TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Sự.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đăng Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1985.

HKTT: Đội 2, thôn P, xã Ph, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Anh Đ có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Đào Thị Thùy D**, sinh năm 1989.

Đăng ký HKTT tại: Số nhà 69, đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: Số nhà 443/19A, đường L, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị D vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:** Cháu **Vũ Phúc V**, sinh ngày 09/9/2015 và cháu **Vũ Thanh T**, sinh ngày 29/12/2016.

Cháu V, cháu T cùng đăng ký HKTT tại: Số nhà 69, đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Cùng địa chỉ nơi ở hiện tại: Số nhà 443/19A, đường L, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho cháu V, cháu T là: Anh Vũ Văn Đ và chị Đào Thị Thùy D (bố, mẹ đẻ của các cháu).

4. Những người làm chứng.

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1959.

HKTT: Đội 2, thôn P, xã Ph, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Ông **Đào Văn Đ**, sinh năm 1958.

Đăng ký HKTT tại: Số nhà 69, đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Những người làm chứng đều vắng mặt do có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2018, nguyên đơn anh Vũ Văn Đ trình bầy:

Anh và chị Đào Thị Thùy D kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2015 tại UBND xã Phương Chiểu, thành phố H.

Sau khi kết hôn đến khi sinh cháu lớn là Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, cách sống. Trong cư xử, vợ anh thường xuyên dùng những lời lẽ thiếu văn hóa để giao tiếp với anh. Từ khi kết hôn với nhau, rất nhiều lần anh muốn đưa vợ về quê để cho tình cảm gia đình, họ hàng thêm gắn kết nhưng vợ anh rất ít khi về. Có lần anh đưa cháu V về quê, ngay sau đó vợ anh về quê chửi um hết cả xóm nơi bố, mẹ đẻ anh sinh sống.

Ngày 28/8/2017 (âm lịch), trong lúc bạn bè anh ở Hà Nội về Hưng Yên giao lưu thì vợ anh có nghi ngờ anh nhắn tin cho người phụ nữ khác nên đã chửi um lên tại quán, sau đó cầm kéo đâm anh. Sau khi đâm anh, chị D sợ quá tưởng anh chết lên đã bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh ngay trong ngày hôm đó. Khi đi, vợ anh có đưa cả hai con chung của vợ chồng đi cùng. Hiện vợ anh đang sống tại số nhà 443/19A, đường L, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Đ khẳng định, anh không có người phụ nữ nào khác ngoài chị D và chị D cũng không có người đàn ông khác nào ngoài anh ra.

Sau khi chị D bỏ đi, hai vợ chồng anh không hề liên lạc với nhau. Mãi sáu tháng sau, anh mới liên lạc với chị D để nói chuyện và thống nhất ly hôn nhau nên chị D mới đi chuẩn bị các giấy tờ có liên quan và gửi cho anh để làm thủ tục ly hôn.

Nay, anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đào Thị Thùy D.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/12/2016. Hiện cả hai cháu đang ở với chị D. Anh và chị D đã thỏa thuận là giao cả hai con chung cho chị D nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cùng chị D mỗi tháng là 4.000.000đ (02 triệu đồng/1 tháng/1 cháu). Hiện anh đang kinh doanh chung cửa hàng bánh Piza, thu nhập trung bình hàng tháng là 10 triệu đồng nên đủ điều kiện cấp dưỡng cùng chị D nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị D không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2018, bị đơn chị Đào Thị Thùy D trình bầy:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn Đ vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Chiểu, thành phố H. Trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu, sau kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 94 đường Lê Lai, phường Lê Lợi, thành phố H. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án dân thành phố H giải quyết ly hôn với chị, chị đồng ý li hôn với anh Vũ Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con chung là Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/12/2016. Hiện cả hai cháu đang ở với chị. Nếu Tòa án giải quyết li hôn thì quan điểm của chị muốn được nuôi cả hai con và anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (02 triệu đồng/1 tháng/1 cháu) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Vợ chồng chị không có tài sản chung; không nợ chung; không cho ai vay nợ.

Do đi làm ăn xa nên chị không về Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết việc anh Vũ Văn Đ có đơn xin li hôn chị, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (đơn đề ngày 18/10/2018). Ngoài ra, chị D còn có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án do anh Đ là nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Vũ Văn Đ vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn chị D, vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, thực tế đã không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung anh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra anh Đ không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn chị Đào Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Những người làm chứng là bà Nguyễn Thị L và ông Đào Văn Đ đều vắng mặt do đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công đã xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn"; xác định đúng tư cách và đầy đủ những người tham gia tố tụng; Chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; về Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS cùng cấp nghiên cứu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, đúng phạm vi và nguyên tắc xét xử; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn Đ. Xử cho anh Vũ Văn Đ được ly hôn Chị Đào Thị Thùy D. Về con chung: Giao 2 cháu Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/12/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cùng chị D mỗi tháng là 4.000.000đ (02 triệu đồng/1tháng/1 cháu). Thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Vũ Văn Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Đào Thị Thùy D và đề nghị giải quyết việc nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đào Thị Thùy D đăng ký HKTT tại: Số nhà 69, đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: Số nhà 443/19A, đường L, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh, nhưng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết vụ án (việc lựa chọn được nguyên đơn đồng ý) nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự , Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Do chị Đào Thị Thùy D không có mặt tại buổi hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục lấy lời khai, Ủy thác thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người làm chứng đã

có lời khai trực tiếp với Tòa án và có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, những người làm chứng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Đ và chị Đào Thị Thùy D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2015 tại UBND xã Phương Chiểu, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau mà anh Đ và chị D đã sống ly thân nhau từ giữa tháng 10/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng cũng không ai có ý định hàn gắn tình cảm. Hiện tại, mỗi người sống một nơi. Anh Đ thì sống tại thành phố H, còn chị D thì sống tại quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Theo anh Đ, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị D cư xử thiếu văn hóa với anh; không tôn trọng và không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng; nghi ngờ anh sống không chung thủy nên đã có hành vi cầm kéo đâm vào người anh khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Còn chị D cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khi sinh cháu thứ hai vào cuối năm 2016, lúc đầu là những chuyện vụn vặt, sau đó là những chuyện lớn và nghiêm trọng. Đến ngày 28/8/2017 (âm lịch), chị không sống cùng anh Đ nữa. Từ đó không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn.

Những nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà anh Đ, chị D trình bày, cũng như việc vợ chồng anh, chị sống ly thân nhau được bố đẻ chị D là ông Đào Văn Đ và mẹ đẻ anh Đ là bà Nguyễn Thị L thừa nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị D đang tồn tại, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên anh Đ và chị D đã không còn gắn bó với nhau, mỗi người sống một nơi; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng chia sẻ, thực hiện, duy trì đời sống chung của gia đình trong một thời gian dài từ giữa tháng 10/2017 cho đến nay. Sau thời gian dài mâu thuẫn, anh Đ có đơn xi ly hôn chị D tại Tòa án thì chị D đồng ý mà không có một ý kiến nào mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị D có 02 con chung là Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/12/2016. Hiện cả hai cháu đang ở với chị D. Nguyện vọng của anh Đ là để chị D nuôi cả hai con và anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (02 triệu đồng/1 tháng/1 cháu) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị D cũng nhất trí quan điểm của anh Đ về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung là cháu Vũ Phúc V

và cháu Vũ Thanh T cho chị Đào Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (02 triệu đồng/1 tháng/1 cháu) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ, chị D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ và không đề nghị Tòa án xem xét, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Đ, chị D có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Vũ Văn Đ đối với chị Đào Thị Thùy D. Anh Vũ Văn Đ được ly hôn chị Đào Thị Thùy D.

2. Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị D có 02 con chung là Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/12/2016.

Giao cả hai con chung là Vũ Phúc V, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 29/12/2016 cho chị Đào Thị Thùy D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Vũ Văn Đ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cùng chị Đào Thị Thùy D mỗi cháu một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), hai cháu một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đào Thị Thùy D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Vũ Văn Đ không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn: Anh Vũ Văn Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được

cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chị Đào Thị Thùy D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

5. Về tài sản chung, nợ, công sức: Các đương sự thống nhất khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

6. Về án phí: Anh Vũ Văn Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng tiền án phí là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng chẵn). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm anh Đ đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000156 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Anh Vũ Văn Đ còn phải nộp 300.000đồng tiền án phí còn thiếu.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn anh Vũ Văn Đ; vắng mặt bị đơn chị Đào Thị Thùy D. Anh Đ có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tr□ờng hợp quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã P (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Vũ Công Lợi